

019 (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Lạng Sơn

Some key socio-economic indicators of Lạng Sơn

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ Prel. 2021
Tỷ suất nhập cư (‰) <i>In-migration rate (‰)</i>	2,4	1,4	1,3	2,2	1,3	1,7	0,9
Tỷ suất xuất cư (‰) <i>Out-migration rate (‰)</i>	5,3	3,6	4,0	3,0	8,7	13,1	13,8
Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (Năm) <i>Life expectancy at birth (Year)</i>	72,0	72,1	72,2	72,2	72,3	72,4	72,5
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%) <i>Percentage of literate population at 15 years of age and above (%)</i>	96,7	96,6	97,0	96,3	95,4	95,5	95,8
MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/km²) POPULATION DENSITY (Person/km²)	91	92	93	93	94	95	96
LAO ĐỘNG - LABOUR							
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Nghìn người) <i>Labour force at 15 years of age and above (Thous. persons)</i>	492,9	491,6	491,6	493,9	500,0	487,7	323,2
Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế (Nghìn người) <i>Employed population at 15 year of age and above by kinds of economic activity (Thous. persons)</i>	485,1	483,8	482,0	481,3	487,3	479,7	300,0
Phân theo khu vực kinh tế <i>By economic sector</i>							
Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	328,6	331,0	310,4	259,2	280,3	271,2	121,7
Công nghiệp và xây dựng <i>Industry and construction</i>	30,1	37,2	50,3	55,5	73,6	46,7	69,2
Dịch vụ - Service	126,4	115,6	121,3	166,6	133,5	161,8	109,1
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%) <i>Percentage of trained labour force at 15 years of age and above (%)</i>	14,6	15,1	15,5	19,8	16,5	21,0	27,8
Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Unemployment rate of labour force at working age (%)</i>	1,95	1,92	2,12	2,04	2,82	1,84	7,82
Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Underemployment rate of labour force at working age (%)</i>	1,89	3,16	3,00	3,74	2,96	5,15	3,32